

Theo Tiêu chuẩn Truyền thông Nguy hại 29 CFR 1910.1200 - HazCom 2012

01

NHẬN DẠNG

1.1. Thông tin sản phẩm

Tên sản phẩm	PENETRON ARC - Phần A (dạng bột)
Mã sản phẩm	Không có thông tin.

1.2. Công dụng của sản phẩm

Công dụng	Lớp phủ chống axit.
Mục đích không nên sử dụng	Không có thông tin.

1.3. Thông tin nhà cung cấp

Penetron International, Ltd.

601 S. 10th Street, Unit 300, Allentown, PA 18103 - Hoa Kỳ

Điện thoại: +1 (631) 941-9700 | Email: info@penetron.com | Website: www.penetron.com

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

CHEMTREC - Hoa Kỳ và Canada: 1-800-424-9300; Quốc tế: +1 703-527-3887

02

NHẬN DẠNG MỐI NGUY

2.1. Phân loại sản phẩm

Nhóm nguy hại	Phân loại
Ăn mòn / kích ứng da	Nhóm 1
Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng	Nhóm 1
Gây dị ứng da	Nhóm 1
Gây ung thư khi hít phải	Nhóm 1A
Độc tính đối với cơ quan cụ thể - tiếp xúc một lần	Nhóm 3
Độc tính đối với cơ quan cụ thể - tiếp xúc nhiều lần	Nhóm 1

2.2. Thông tin trên nhãn

Biểu tượng nguy hại



GHS05



GHS07



GHS08

NGUY HIỂM

Biểu tượng GHS05, GHS07 và GHS08. Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt; có thể gây dị ứng da, kích ứng đường hô hấp và ung thư khi hít phải. Hít bụi kéo dài hoặc lặp lại có thể gây tổn thương phổi.

Phòng ngừa: Chỉ sử dụng sau khi đã đọc và hiểu đầy đủ biện pháp an toàn. Tránh hít bụi; làm việc ngoài trời hoặc nơi thông gió tốt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Mang găng, quần áo, kính và tấm che mặt bảo hộ. Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

Xử lý sự cố: Nếu dính vào da, rửa bằng nhiều nước; cởi và giặt quần áo bị nhiễm bẩn. Nếu dính vào mắt, rửa liên tục trong vài phút và tháo kính áp tròng nếu dễ thực hiện. Nếu hít phải, đưa ra nơi thoáng khí. Nếu nuốt phải, súc miệng và không gây nôn. Khi đã phơi nhiễm, có kích ứng hoặc nổi mẩn, cần được chăm sóc y tế ngay.

Bảo quản và thải bỏ: Bảo quản có khóa, nơi thông gió tốt và đóng kín bao bì. Thải bỏ theo quy định địa phương và quốc gia.

03

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

3.1. Chất nguyên chất

Không áp dụng.

3.2. Hỗn hợp

Thành phần	Mã CAS	Tỷ lệ
Xí (Slags)	65996-69-2	45-55%
Silica tinh thể (thạch anh)	14808-60-7	45-65%

* Tỷ lệ chính xác được giữ kín như bí mật thương mại theo khoản (i) của §1910.1200.

04

BIỆN PHÁP SƠ CỨU

4.1. Cách sơ cứu

Hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, tránh xa bụi và để nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu ho kéo dài, cần đi khám.
Đính vào da	Cởi quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa kỹ bằng nước ấm chảy nhẹ và xà phòng trung tính, không gây mài mòn. Nếu da bị kích ứng, cần được chăm sóc y tế ngay.
Đính vào mắt	Rửa nhẹ mắt và phía dưới mí bằng nước sạch trong ít nhất 20 phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ tháo, sau đó tiếp tục rửa. Cần được chăm sóc y tế ngay.
Nuốt phải	Cần được chăm sóc y tế ngay. Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí. Nếu còn tỉnh, súc miệng và uống nhiều nước để pha loãng lượng đã nuốt. Không gây nôn. Không cho người bất tỉnh uống nước.

4.2. Triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng

Sau khi hít phải	Có thể gây kích ứng niêm mạc hoặc đường hô hấp, ho, đau họng, nghẹt mũi, hắt hơi hoặc khó thở.
Sau khi dính vào da	Gây bong nặng và có thể gây dị ứng da.
Sau khi dính vào mắt	Gây kích ứng và tổn thương mắt nghiêm trọng.
Sau khi nuốt	Có thể gây kích ứng và bong miệng, họng, dạ dày và đường tiêu hóa.

4.3. Chăm sóc y tế

Điều trị theo triệu chứng. Liên hệ trung tâm chống độc hoặc đi khám ngay nếu nuốt phải, hít lượng bụi lớn hoặc vật liệu ướt tiếp xúc với vùng da rộng.

05

BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1. Chất chữa cháy

Phù hợp	Dùng biện pháp chữa cháy phù hợp với điều kiện tại chỗ và môi trường xung quanh.
Không phù hợp	Không dùng tia nước hoặc chất chữa cháy gốc nước.

5.2. Mối nguy khi cháy

Nguy cơ cháy	Không có.
Sản phẩm phân hủy do nhiệt	Có thể tạo ra cacbon dioxide, cacbon monoxide, oxit lưu huỳnh và oxit kim loại.

5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Mang thiết bị thở độc lập, đầy đủ quần áo chữa cháy và đồ bảo hộ cá nhân phù hợp.

06

XỬ LÝ KHI BỊ TRÀN ĐỔ

6.1. Bảo vệ người và quy trình khẩn cấp

Tránh tạo bụi. Không để vật liệu đi vào cống, rãnh thoát nước hoặc nguồn nước. Mang thiết bị bảo vệ hô hấp, kính và quần áo bảo hộ để tránh tiếp xúc với mắt và da.

6.2. Ngăn chặn và làm sạch

Ngăn chặn	Ngăn rò rỉ hoặc tràn thêm nếu có thể thực hiện an toàn.
Làm sạch	Thông gió và tránh tạo bụi. Đưa người không cần thiết ra khỏi khu vực. Không quét khô. Xúc hoặc hút vật liệu bằng thiết bị phù hợp, hạn chế bụi phát tán. Xúc vật liệu ướt vào thùng được chấp thuận và để vật liệu cứng lại trước khi thải bỏ.

07

SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

7.1. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

Thực hiện đúng quy trình vệ sinh và an toàn công nghiệp. Tránh để sản phẩm dính vào da hoặc mắt và tránh hít bụi. Chỉ dùng ở nơi thông gió tốt. Mang đồ bảo hộ phù hợp; dùng thiết bị bảo vệ hô hấp khi có nhiều bụi hoặc thông gió kém. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Cởi và giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi dùng lại.

7.2. Điều kiện bảo quản

Bảo quản	Bảo quản ở nơi thông gió tốt, tránh ẩm và vật liệu không tương thích. Đóng kín bao bì khi không sử dụng.
Vật liệu không tương thích	Nước hoặc độ ẩm làm vật liệu sinh nhiệt. Tránh kim loại nhôm, axit mạnh và chất oxy hóa. Sản phẩm có thể giải phóng khí hydro sulfide khi bị ướt hoặc nung nóng; có thể phản ứng với nước tạo hydroxit canxi.

08

KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1. Giới hạn phơi nhiễm

Thành phần	Cơ quan	Giới hạn
Xi (65996-69-2)	ACGIH	3 mg/m ³ trong 8 giờ, phân bụi hô hấp; 10 mg/m ³ trong 10 giờ, tổng bụi
	OSHA	5 mg/m ³ trong 8 giờ, phân bụi hô hấp; 15 mg/m ³ trong 8 giờ, tổng bụi
Silica tinh thể (14808-60-7)	ACGIH	0,025 mg/m ³ , phân bụi hô hấp
	OSHA	0,05 mg/m ³ , giá trị cũ đã hủy
	NIOSH	0,05 mg/m ³ , bụi hô hấp

8.2. Biện pháp kiểm soát

Thông gió	Ưu tiên sử dụng ngoài trời hoặc nơi thông gió tốt. Nếu không, dùng thông gió tự nhiên hoặc cơ khí để giữ mức phơi nhiễm trong giới hạn cho phép.
Bảo vệ tay	Mang găng bảo hộ có phần che cổ tay và cẳng tay.
Bảo vệ mắt	Đeo kính có tấm chắn bên hoặc kính bảo hộ. Khi rất nhiều bụi, dùng kính không thông gió hoặc thông gió gián tiếp. Không nên đeo kính áp tròng khi sử dụng.
Bảo vệ da và cơ thể	Mặc áo dài tay, quần dài và ủng chống nước. Khi làm việc trong môi trường bụi, nên mặc thêm quần áo phủ ngoài không thấm.
Bảo vệ hô hấp	Nếu không thể giữ mức phơi nhiễm dưới giới hạn cho phép, dùng khẩu trang hoặc mặt nạ lọc bụi được MSHA/NIOSH phê duyệt theo chương trình bảo vệ hô hấp và hướng dẫn OSHA/MSHA.
Bảo vệ môi trường	Tránh tiếp xúc với da, mắt; tránh tạo và hít bụi.

09

TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

9.1. Thông tin cơ bản

Trạng thái / hình dạng	Chất rắn, dạng bột
Màu sắc	Trắng ngà đến nâu nhạt
Mùi	Không mùi
pH	8-10
Điểm đông đặc	Chất rắn ở nhiệt độ phòng
Điểm chớp cháy	Không cháy
Tỷ trọng	2,65
Độ tan	Ít tan trong nước
Các thông số còn lại	Không có thông tin

10

ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

10.1. Khả năng phản ứng

Phản ứng chậm với nước, tạo thành silicat và hydroxit canxi.

10.2. Độ ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bảo quản bình thường.

10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Chưa ghi nhận phản ứng nguy hiểm trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Điều kiện ướt, ẩm hoặc có hơi ẩm.

10.5. Vật liệu không tương thích

Không tương thích với chất oxy hóa, axit, nhôm và muối amoni. Tùy loại axit, phản ứng có thể tạo khí hoặc hơi độc. Bột nhôm và các nguyên tố kiềm hoặc kiềm thổ khác phản ứng trong lửa hoặc bề tông ướt, giải phóng khí hydro. Silica phản ứng mạnh với các chất oxy hóa rất mạnh như fluorine, boron trifluoride, chlorine trifluoride, manganese trifluoride và oxygen difluoride, có thể gây cháy hoặc nổ.

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Silica hòa tan trong axit hydrofluoric có thể tạo khí silicon tetrafluoride có tính ăn mòn.

11

THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

11.1. Các đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít phải	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Đánh vào mắt	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Đánh vào da	Có thể gây kích ứng hoặc bỏng hóa chất khi da có độ ẩm; có thể gây dị ứng da.
Nuốt phải	Gây kích ứng và bỏng hóa chất ở miệng, họng và dạ dày.

11.2. Ảnh hưởng độc tính

Thành phần	Thông số	Giá trị
Silica tinh thể (14808-60-7)	LD50 đường miệng, chuột	> 22.500 mg/kg
	LD50 qua da / LC50 hít phải	Không có thông tin

11.3. Ảnh hưởng tức thời, lâu dài và mãn tính

Ăn mòn / kích ứng da	Có thể gây kích ứng; khi có độ ẩm, có thể gây bỏng nặng.
Tổn thương / kích ứng mắt	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng; khi có độ ẩm, có thể gây bỏng.
Gây dị ứng	Có thể gây dị ứng do có khả năng chứa một lượng rất nhỏ crom hóa trị sáu.
Đột biến tế bào mầm	Không có thông tin.
Khả năng gây ung thư	Hít bụi lặp lại hoặc kéo dài có thể gây ung thư phổi. Silica tinh thể được ACGIH xếp A2, IARC xếp Nhóm 1 và NTP xác định là chất gây ung thư ở người.
Độc tính đối với sinh sản	Không có thông tin.
Cơ quan cụ thể - tiếp xúc một lần	Hít phải và tiếp xúc da: có thể gây kích ứng đường hô hấp và da.
Cơ quan cụ thể - tiếp xúc nhiều lần	Hít phải: có thể ảnh hưởng đường hô hấp và thận.
Nguy cơ hít sặc	Không có thông tin.

Triệu chứng có thể gồm ho, kích ứng đường hô hấp; đau, đỏ, phồng rộp, bỏng, loét hoặc hoại tử da; đau, chảy nước mắt và đỏ mắt; đau dạ dày khi nuốt phải.

12

THÔNG TIN SINH THÁI

12.1. Độc tính với môi trường

Chất	Kết quả	Đối tượng / thời gian
Oxit canxi (1305-78-8)	NOEC mãn tính: 100 mg/L trong nước ngọt	Cá <i>Oreochromis niloticus</i> non; 46 ngày

12.2. Độ bền và khả năng phân hủy

Không có thông tin.

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

12.4. Khả năng di chuyển trong đất

Không có thông tin.

12.5. Ảnh hưởng môi trường khác

Tránh thải sản phẩm ra môi trường. Không để vật liệu đi vào cống, rãnh thoát nước hoặc nguồn nước.

13

CÁC LƯU Ý VỀ VIỆC THẢI BỎ

13.1. Cách xử lý chất thải

Thải bỏ vật liệu theo quy định hiện hành của liên bang, tiểu bang và địa phương. Tránh tạo hoặc hít bụi trong khi thải bỏ. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không để vật liệu đi vào cống, rãnh thoát nước hoặc nguồn nước.

14

THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

14.1. DOT, ADR, IMDG và IATA

Sản phẩm không thuộc diện quản lý khi vận chuyển và không được xếp là hàng nguy hiểm theo DOT, ADR, IMDG hoặc IATA.

15

THÔNG TIN QUY ĐỊNH

15.1. Quy định liên bang Hoa Kỳ

SARA 313	Sản phẩm không chứa hóa chất thuộc yêu cầu báo cáo của SARA 313 hoặc 40 CFR Phần 372.
SARA 311/312	Nguy hại sức khỏe cấp tính: Không. Nguy hại sức khỏe mãn tính: Có. Nguy cơ cháy, giải phóng áp suất đột ngột và phản ứng: Không.
Đạo luật Nước sạch - CWA	Sản phẩm không chứa chất được quản lý như chất ô nhiễm theo CWA, 40 CFR 122.21 và 40 CFR 122.42.
CERCLA	Ở trạng thái được cung cấp, vật liệu không chứa chất thuộc diện quản lý như chất nguy hiểm theo CERCLA 40 CFR 302 hoặc SARA 40 CFR 355. Việc phát tán vẫn có thể phải báo cáo theo quy định địa phương hoặc tiểu bang.

15.2. Quy định của các tiểu bang Hoa Kỳ

CALIFORNIA	Sản phẩm chứa hóa chất được Tiểu bang California xác định có thể gây ung thư, dị tật bẩm sinh hoặc ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.
------------	---

Quy định Right-to-Know: Silica tinh thể - thạch anh (CAS 14808-60-7) được liệt kê tại New Jersey, Massachusetts và Pennsylvania; không được đánh dấu trong bảng nguồn đối với Rhode Island và Illinois.

16

THÔNG TIN KHÁC

Ngày ban hành	02/11/2018
Ngày sửa đổi	05/08/2024
Phiên bản	O08/P
Thông tin khác	Không có.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Chúng tôi tin rằng các thông tin kỹ thuật và khuyến nghị trong tài liệu này là đáng tin cậy, nhưng không kèm theo bất kỳ bảo đảm nào. Thông tin chỉ áp dụng cho sản phẩm ở trạng thái được cung cấp và có thể không còn phù hợp nếu dùng chung với vật liệu khác. Người sử dụng có trách nhiệm tự kiểm tra thông tin có đầy đủ và phù hợp với mục đích của mình hay không.

LƯU Ý VỀ BẢN DỊCH

Đây là bản dịch tiếng Việt từ SDS tiếng Anh do nhà sản xuất cung cấp. Khi dùng cho hồ sơ pháp lý, an toàn lao động hoặc xử lý sự cố, cần đối chiếu với bản SDS tiếng Anh gốc.